

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v: “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Huy Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và bà Phạm Thị Dung.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST - KDTM ngày 19/11/2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST - KDTM ngày 19/02/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST - KDTM ngày 19/03/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O)

Địa chỉ: Tòa nhà T, A T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trung H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Q - Ngân hàng TMCP P (theo giấy ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/05/2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP P).

Người được uỷ quyền lại: ông Nguyễn Thế D, ông Nguyễn Thế M, ông Trương Tuấn H1 - Ngân hàng TMCP P (O) - ô số 3, ô số 4 khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại thấp tầng đường 25 tháng 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo giấy ủy quyền số 17/2024/UQ - OCB ngày 19/11/2024). Ông Trương Tuấn H1, có mặt tại phiên tòa; (ông Nguyễn Thế D và ông Nguyễn Thế M vắng mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1987.

2. Chị Phan Thị H2, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: tổ A, khu G, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2024 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 đã ký Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024 và giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 328A/2024/ PUB/KUNN ngày 26/7/2024 để vay vốn tại Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Q - Phòng G chi tiết như sau: số tiền vay: 1.178.000.000 đồng (*một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng*); mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động sản xuất gia công cơ khí, bán buôn ống hộp mạ kẽm, tôn, sắt, tấm ốp tường, phụ kiện cửa nhôm, cửa thủy lực. Thời hạn vay: 05 tháng; lãi suất vay trong hạn: 7,9%/năm cố định trong suốt thời gian vay. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; trả nợ gốc: cuối kỳ; trả nợ lãi: bên vay trả nợ lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 26/10/2024.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 328/2024/PUB/HĐTC ngày 02/04/2024, số công chứng 1076, được văn phòng C chứng nhận ngày 02/04/2024 là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số: 108, tờ bản đồ số: 30. Địa chỉ thửa đất tại: thôn C, xã H (nay là khu C, phường H), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 132251, số vào sổ cấp GCN CH 04498 do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp ngày 27/03/2019 cho bà Bùi Thị H3, cập nhật chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 ngày 28/10/2022. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thông báo và nhắc nợ nhưng anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 vẫn chậm thanh toán khoản vay theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024 được ký kết giữa ngân hàng với anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2. Như vậy anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 28/3/2025, tổng nghĩa vụ nợ của anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 tại Ngân hàng OCB phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024 là 1,267,388,838 đồng (*một tỉ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*), trong đó: nợ gốc: 1,178,000,000 đồng. Nợ lãi: 89,388,838 đồng (cụ thể nợ lãi: lãi trong hạn 55.751.537 đồng, lãi quá hạn 31.660.768 đồng, phạt vi phạm 1.976.533 đồng). Ngoài ra, anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 còn có khoản vay thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 356/2024/TTD ngày 05/04/2024. Dư nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 28/3/2025 là: 60,191,893 đồng (*sáu mươi triệu, một trăm chín một nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*).

Nay, Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 phải thực hiện như sau:

Buộc anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024 tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 1,267,388,838 đồng (một tỉ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 1,178,000,000 đồng. Nợ lãi: 89,388,838 đồng (cụ thể nợ lãi: lãi trong hạn 55.751.537 đồng, lãi quá hạn 31.660.768 đồng, phạt vi phạm 1.976.533 đồng) và tiền lãi, lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

Nếu anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 328/2024/PUB/HĐTC ngày 02/04/2024, số công chứng 1076, được Văn phòng C chứng nhận ngày 02/04/2024 là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số: 108, tờ bản đồ số: 30. Địa chỉ thửa đất tại: thôn C, xã H (nay là khu C, phường H) thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 132251, số vào sổ cấp GCN CH 04498 do UBND thị xã Đ cấp ngày 27/03/2019 cho bà Bùi Thị H3, cập nhật chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 ngày 28/10/2022. Tài sản bảo đảm đã được đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật, để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng TMCP P.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ thẻ tín dụng, tại phiên toà đại diện ngân hàng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chỉ yêu cầu anh Nguyễn Hoàng L thanh toán hết dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng O, dư nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 28/3/2025 là: 60,191,893 đồng (*sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tổ tụng, thi hành án theo quy định của Pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 tại Ngân hàng TMCP P thì anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 01 năm 2025 của bị đơn chị Phan Thị H2 có nội dung: ngày 02/4/2024 chị H2 và chồng là anh Nguyễn Hoàng L có ký Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024 và giải ngân theo khế ước nhận nợ số 328A/2024/PUB/KUNN ngày 26/7/2024 để vay của Ngân hàng TMCP P (O) - chi nhánh Q - phòng G1 tiền 1.178.000.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng); lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng số 328/2024 ngày 02/4/2024. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng anh L, chị H2 có thể chấp

quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 132251, số vào sổ cấp GCN CH 04498 do UBND thị xã Đ cấp ngày 27/03/2019 cho bà Bùi Thị H3, bà H3 đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 ngày 28/10/2022 tại địa chỉ C, H, Đ, Quảng Ninh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị H2, anh L chưa trả nợ gốc, mới trả lãi được 69.597 đồng. Từ ngày 24/8/2024 đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh L, chị H2 không tiếp tục thanh toán như thỏa thuận. Đến ngày 24/11/2024 khoản vay của vợ chồng anh L, chị H2 đã trở thành nợ quá hạn. Nay ngân hàng khởi kiện, chị H2 có quan điểm: Ngân hàng chuyển từ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay dài hạn để gia đình anh L, chị H2 có thể đóng cả gốc và lãi hàng tháng. Ngân hàng kéo dài thời gian để gia đình anh L, chị H2 bán nhà trả tiền cho Ngân hàng. Đối với số tiền trong thẻ tín dụng mang tên anh Nguyễn Hoàng L, là do anh L vay để chi tiêu cá nhân không chi tiêu cho việc sinh hoạt gia đình nên anh Linh phải tự trả số tiền trên.

Anh Nguyễn Hoàng L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký Tòa án: đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thủ lý, giải quyết, xét xử vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 86 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O, buộc bị đơn vợ chồng anh L, chị H2 phải trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp không trả được nợ hoặc thực hiện không đúng thỏa thuận thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng ngày 05/4/2024 chỉ do anh L ký kết khoản vay, mục đích vay không thể hiện trong hợp đồng và anh L sử dụng để chi tiêu cá nhân, không dùng cho chi tiêu sinh hoạt gia đình. Do đó có căn cứ buộc anh Nguyễn Hoàng L phải trả nợ khoản vay thẻ tín dụng nêu trên cho Ngân hàng O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hợp đồng được giao kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Q - Phòng G với bị đơn anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 thuộc trường hợp tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều

30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

Về việc vắng mặt của bị đơn: anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp: tại Hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/04/2024, khế ước nhận nợ số 328A/2024/PUB/KUNN ngày 26/7/2024 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 328/2024/PUB/HĐTC ngày 02/04/2024, số công chứng 1076, được văn phòng C chứng nhận ngày 02/04/2024 giữa Ngân hàng TMCP P (O) và anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 các bên tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và thủ tục đăng ký giao dịch của hợp đồng phù hợp với các quy định tại các Điều 116, 117, 118 và 119 khoản 2 Điều 292, 295 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã giao kết giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về khoản nợ: các đương sự thỏa thuận về khoản vay, thời hạn trả nợ, nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên và việc tính nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm của nguyên đơn là đảm bảo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 99, khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh L, chị H2 chỉ thanh toán được tổng số tiền 69,597 đồng tiền lãi. Khoản vay của anh L, chị H2 đã chuyển sang quá hạn từ tháng 9 năm 2024. Ngân hàng đã thông báo và nhắc nợ nhưng anh L, chị H2 vẫn chậm thanh toán khoản vay theo quy định trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Anh L1, chị H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo điểm g khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh L1, chị H2 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, nếu anh L1, chị H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của anh L1, chị H2 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu về từ việc bán, phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh L1, chị H2 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi các khoản nợ được tất toán là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định tại các Điều 317, 319, 320 và Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho

khách hàng cá nhân số 356/2024/TTD ngày 05/4/2024. Quá trình giải quyết vụ án không chứng minh được anh L1 vay để phục vụ sinh hoạt chung cho gia đình, hơn nữa tại phiên toà nguyên đơn cũng thay đổi yêu cầu chỉ buộc cá nhân anh L1 phải trả khoản nợ thẻ tín dụng cho nguyên đơn với số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2024 là 60,191,893 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) buộc bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng O số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2025 là 1,267,388,838 đồng; trong đó nợ gốc 1,178,000,000 đồng, nợ lãi 89,388,838 đồng (cụ thể: lãi trong hạn 55.751.537 đồng, lãi quá hạn 31.660.768 đồng, phạt vi phạm 1.976.533 đồng). Nếu vợ chồng anh L, chị H2 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền trên, thì Ngân hàng O có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của anh L, chị H2 theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu về từ việc bán tài sản thế chấp sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh L, chị H2 vẫn phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi các khoản nợ được tất toán. Anh Nguyễn Hoàng L phải trả cho Ngân hàng O số tiền 60,191,893 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng O đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2025 nên anh L, chị H2 phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng OCB theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận; Anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.021.665 (năm mươi triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) (cụ thể $36.000.000 + 3\% 467.388.838 = 50.021.665$ (năm mươi triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)).

Anh Nguyễn Hoàng L còn phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.010.000đ (ba triệu không trăm mười nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 118, 119, khoản 2 Điều 292, các Điều 295, 317, 319, 320, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 99, Điều 100, khoản 3 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết này.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Buộc anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP P (O) số tiền tính đến hết ngày 28 tháng 3 năm 2025 là 1,267,388,838 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm ba mươi tám đồng*); trong đó: nợ gốc là 1,178,000,000 đồng (*một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng*), nợ lãi là 89,388,838 đồng (*tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm ba mươi tám đồng*) (nợ lãi bao gồm: lãi trong hạn 55.751.537 đồng, lãi quá hạn 31.660.768 đồng, phạt vi phạm 1.976.533 đồng)

Buộc anh Nguyễn Hoàng L phải trả cho Ngân hàng TMCP P (O) số tiền là 60,191,893 đồng (*sáu mươi triệu một trăm chín mươi một nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2025) cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, bên phải thi hành án anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 328/2024/PUB/HĐTDHM ngày 02/4/2024; anh Nguyễn Hoàng L còn phải chịu mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 356/2024/TTD ngày 05/4/2024 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 328/2024/PUB/HĐTC ngày 02/04/2024 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu hồi được sau khi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP P thì anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải tiếp tục trả số nợ gốc, lãi còn thiếu cho Ngân hàng TMCP P cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[3] Về chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 phải có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP P đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2025.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, anh Nguyễn Hoàng L, chị Phan Thị H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí:

Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P 23.954.000đ (*hai mươi ba triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002795 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Hoàng L và chị Phan Thị H2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.021.665 (*năm mươi triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

Anh Nguyễn Hoàng L còn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.010.000đ (*ba triệu không trăm mười nghìn đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28 tháng 3 năm 2025.

Vắng mặt bị đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND thành phố Uông Bí.
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Huy Hùng